

Số: /HD-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

HƯỚNG DẪN
Tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Cụm, Khối thi đua
thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 01/2024/TT-BNV ngày 24 tháng 02 năm 2024 của Bộ Nội vụ quy định biện pháp thi hành Luật Thi đua, khen thưởng và Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Hướng dẫn số 1819/HD-BTĐKTTW ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của Cụm thi đua các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ quy định về công tác thi đua, khen thưởng tại Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua hằng năm của Cụm, Khối thi đua trực thuộc Thành phố, cụ thể như sau:

Phần I
TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI THI ĐUA

I. TỔ CHỨC CỤM, KHỐI THI ĐUA

1. Cơ sở hình thành Cụm, Khối thi đua

- Cụm thi đua được hình thành trên cơ sở phân chia thành phố Thủ Đức, các quận, huyện có đặc điểm tương đồng về địa lý, kinh tế, xã hội (gọi tắt là *Cụm thi đua cấp Thành phố*) và phường, xã, thị trấn trực thuộc thành phố Thủ Đức, các quận, huyện (gọi tắt là *Cụm thi đua trực thuộc*).

- Khối thi đua được hình thành trên cơ sở phân chia một số cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố, các Đảng ủy khối cấp trên cơ sở thuộc Thành ủy, các cơ quan thuộc bộ, ngành Trung ương trú đóng trên địa bàn Thành phố có tương đồng về chức năng, nhiệm vụ (gọi tắt là *Khối thi đua cấp Thành phố*) và các đơn vị trực thuộc các cơ quan, đơn vị như: bệnh viện, trường học, trung tâm, phòng, ban, khoa và tương đương; công ty, xí nghiệp, phân xưởng, chi nhánh và tương đương (gọi tắt là *Khối thi đua trực thuộc*).

- Cụm, Khối thi đua (viết tắt là Cụm, Khối) do Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành quyết định tổ chức, phân chia và chỉ đạo hoạt động, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố phân công thành viên theo dõi hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

2. Cơ sở hoạt động Cụm, Khối

- Cụm, Khối thi đua có Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó do các đơn vị trong Cụm, Khối bình chọn, giới thiệu luân phiên hằng năm và thực hiện theo Thông báo của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố về phân công Cụm trưởng, Khối trưởng hằng năm.

- Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó tổ chức điều hành hoạt động của Cụm, Khối ngay sau khi được phân công và sử dụng con dấu của đơn vị làm cơ sở pháp lý cho các văn bản phục vụ hoạt động thi đua của Cụm, Khối.

3. Bộ phận giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó

- Phòng Nội vụ thành phố Thủ Đức và các quận, huyện giúp việc cho Cụm trưởng, Cụm phó.

- Bộ phận thường trực làm công tác thi đua, khen thưởng của sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị xã hội Thành phố, cơ quan, đơn vị, Tổng công ty, công ty thuộc Thành phố giúp việc Khối trưởng, Khối phó.

II. NHIỆM VỤ

1. Cụm trưởng, Khối trưởng

Cụm trưởng, Khối trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức hoạt động, bình xét thi đua của Cụm, Khối và có nhiệm vụ:

a) Chủ trì phối hợp với Cụm phó, Khối phó và các đơn vị thành viên xây dựng quy chế hoạt động (nếu có thay đổi so với quy chế đã ban hành trước đây), chương trình hoặc kế hoạch hoạt động của Cụm, Khối; điều hành hoạt động Cụm, Khối nhằm đẩy mạnh phong trào thi đua, hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chỉ tiêu đăng ký giao ước thi đua.

b) Xây dựng các tiêu chí, thang điểm thi đua, phương pháp chấm điểm phù hợp với đặc điểm, tính chất hoạt động của Cụm, Khối và các đơn vị thành viên trên cơ sở cụ thể hóa tiêu chí thi đua theo quy định và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân Thành phố.

c) Tổ chức ký kết giao ước thi đua, tổ chức và theo dõi việc thực hiện phong trào thi đua tại các đơn vị thành viên nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp và thế mạnh của mỗi đơn vị thành viên. Phối hợp tổ chức các hoạt động chung của Cụm, Khối thi đua và trao đổi về nghiệp vụ, kinh nghiệm. Thảo luận các biện pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong công tác thi đua, khen thưởng và tuyên truyền, nhân rộng các gương điển hình tiên tiến của các đơn vị trong Cụm, Khối để nêu gương, học tập.

d) Chủ trì phối hợp với Cụm phó, Khối phó thẩm định kết quả tự chấm điểm thi đua của các đơn vị thành viên, điểm thưởng theo quy chế; tổ chức bình xét, suy tôn các danh hiệu thi đua hàng năm theo quy định. Đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố xét, đề nghị tặng Cờ Thi đua của Chính phủ, tặng Cờ Thi đua của Thành phố và Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố cho các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối theo quy định.

đ) Chủ trì phối hợp với Cụm phó, Khối phó tổ chức Hội nghị sơ kết 6 tháng, đánh giá kết quả hoạt động của Cụm, Khối và tổ chức Hội nghị tổng kết năm; phối hợp với các đơn vị trong Cụm, Khối tổ chức các buổi sinh hoạt chuyên đề, học tập trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị thành viên và các hoạt động khác theo kế hoạch hoạt động năm.

e) Báo cáo nội dung công tác, kết quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua với Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) định kỳ 6 tháng, 01 năm hoặc khi có yêu cầu.

g) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua.

2. Cụm phó, Khối phó

a) Phối hợp với Cụm trưởng, Khối trưởng xây dựng chương trình, kế hoạch và điều hành hoạt động của Cụm, Khối thi đua;

b) Thay mặt Cụm trưởng, Khối trưởng giải quyết một số công việc khi Cụm trưởng, Khối trưởng ủy quyền;

c) Phối hợp với đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng tổ chức sơ kết, tổng kết và các hoạt động của Cụm, Khối thi đua theo kế hoạch.

d) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua.

3. Bộ phận giúp việc Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó

a) Dự thảo kế hoạch, chương trình công tác, chuẩn bị nội dung và tham mưu tổ chức các hoạt động của Cụm, Khối thi đua.

b) Theo dõi, đôn đốc các đơn vị thành viên tham gia đầy đủ các hoạt động của Cụm, Khối; phối hợp với cơ quan, bộ phận giúp việc của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối đánh giá tình hình tổ chức thực hiện các phong trào thi đua và công tác khen thưởng của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối. Rà soát, tổng hợp điểm thi đua của các đơn vị thành viên theo quy chế và bảng điểm đã được các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thống nhất.

c) Tham mưu, tổng hợp các văn bản và báo cáo của Cụm, Khối gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ); chuẩn bị các nội dung Hội nghị sơ kết, tổng kết, sinh hoạt chuyên đề của Cụm, Khối và tham mưu thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố giao.

4. Các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối

a) Xây dựng các nội dung, chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ thi đua gửi Cụm trưởng, Khối trưởng trong quý I hàng năm để làm cơ sở đánh giá kết quả thi đua cuối năm.

b) Tham gia góp ý, xây dựng quy chế hoạt động, nội dung và các tiêu chí thi đua, thang điểm thi đua và chương trình kế hoạch hoạt động của Cụm, Khối. Tổ chức phát động các phong trào thi đua, thực hiện công tác khen thưởng gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị.

c) Tham gia đầy đủ, tích cực, hiệu quả và đúng thành phần các hoạt động của Cụm, Khối.

d) Triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung tiêu chí thi đua đã ký kết giao ước thi đua.

đ) Phát hiện, tuyên truyền, phổ biến, giới thiệu các mô hình, điển hình tiên tiến, cách làm mới có hiệu quả trong phong trào thi đua;

e) Tổng hợp và báo cáo Cụm trưởng, Khối trưởng kết quả thực hiện phong trào thi đua định kỳ phục vụ sơ kết, tổng kết. Tự chấm điểm thi đua theo quy chế hoạt động của Cụm, Khối với các nội dung và tiêu chí thi đua đã ký kết và gửi kết quả chấm điểm cho Cụm trưởng, Khối trưởng theo quy định.

g) Phối hợp, rà soát kiểm tra chéo kết quả tổng hợp chấm điểm của Cụm trưởng, Khối trưởng đối với các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua.

h) Thực hiện chế độ tự kiểm tra và phục vụ công tác kiểm tra theo quy định.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA CỤM, KHỐI

Căn cứ vào thực tiễn hàng năm, Cụm, Khối tổ chức các hoạt động; trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, học tập, trao đổi kinh nghiệm mô hình, cách làm hiệu quả; tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua; tọa đàm, giao lưu, hoạt động đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội và các hoạt động khác để nâng cao chất lượng hoạt động Cụm, Khối; thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

1. Các cuộc họp Cụm, Khối

1.1. Hội nghị ký kết giao ước thi đua

- Thời gian: hoàn thành **trong tháng 3 hằng năm**; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành **trong tháng 10 hằng năm**.

- Nội dung: Các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối, đăng ký chỉ tiêu thi đua, góp ý thông qua quy chế hoạt động, kế hoạch hoạt động Cụm, Khối trong năm, bảng chấm điểm thi đua, ký kết nội dung thực hiện giao ước thi đua.

1.2. Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm

- Thời gian: hoàn thành **trong tháng 7 hằng năm**; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành **trong tháng 3 hằng năm**.

- Nội dung: Đánh giá kết quả thực hiện công tác thi đua khen thưởng và các chỉ tiêu thi đua đã đăng ký đầu năm và biện pháp triển khai công tác thi đua, khen thưởng 6 tháng cuối năm.

1.3. Hội nghị tổng kết

- Thời gian: hoàn thành **trong tháng 12 hằng năm**; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo hoàn thành **trong tháng 7 hằng năm**.

- Nội dung: Đánh giá kết quả hoạt động của Cụm, Khối thi đua trong năm và triển khai phương hướng thực hiện nhiệm vụ năm tiếp theo; đánh giá, chấm điểm, bình xét thi đua giữa các đơn vị thành viên; bình bầu Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó năm tiếp theo.

1.4. Các hoạt động khác:

Tùy theo điều kiện, tình hình thực tiễn và quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua:

- Sinh hoạt chuyên đề: ít nhất 2 chuyên đề trong năm (trao đổi chuyên môn nghiệp vụ, học tập kinh nghiệm, cách làm hiệu quả trong quản lý, điều hành, tháo gỡ những khó khăn tương đồng trong công tác giữa các đơn vị...).

- Giao lưu văn hóa văn nghệ, hội thao, giáo dục truyền thống, về nguồn (nếu có).

- Công tác đền ơn đáp nghĩa, an sinh xã hội (nếu có).

- Có thể lồng ghép, kết hợp thực hiện các hoạt động này với nhau hoặc tổ chức lồng ghép Hội nghị sơ kết, tổng kết nhằm giúp nội dung chương trình thêm phong phú, sinh động hoặc tổ chức sinh hoạt chung nhiều Cụm, Khối thi đua với nhau có cùng chuyên đề, lĩnh vực, hoạt động.

2. Thành phần tham dự các hoạt động Cụm, Khối thi đua

- Mời Chủ tịch, Phó Chủ tịch Thứ nhất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố; thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố phụ trách Cụm, Khối; đại diện lãnh đạo Sở Nội vụ; đại diện lãnh đạo Ban Thi đua - Khen thưởng và lãnh đạo Phòng của Ban Thi đua - Khen thưởng được phân công theo dõi hoạt động Cụm, Khối.

- Đại diện lãnh đạo đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các đơn vị được phân công làm Cụm trưởng, Khối trưởng.

- Lãnh đạo Phòng Nội vụ thành phố Thủ Đức và các quận, huyện hoặc Lãnh đạo bộ phận thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng của các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố.

- Cán bộ chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối thi đua.

- Tùy theo nội dung họp có thể mời thêm các cơ quan, đơn vị liên quan hoặc các phòng, ban của các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối có liên quan đến nội dung sinh hoạt Cụm, Khối thi đua.

3. Chế độ thông tin báo cáo

Cụm trưởng, Khối trưởng thực hiện việc thông tin báo cáo và gửi các văn bản liên quan đến hoạt động Cụm, Khối, như sau:

3.1. Văn bản Hội nghị ký kết giao ước thi đua

- Quy chế hoạt động của Cụm, Khối thi đua.
- Thang điểm thi đua.
- Bảng ký kết giao ước thi đua.
- Bảng đăng ký chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh (hoặc các chỉ tiêu thực hiện kế hoạch năm).
- Kế hoạch hoặc Chương trình hoạt động của Cụm, Khối.

Các văn bản gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) **trước ngày 30 tháng 4 hằng năm**; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 30 tháng 11 hằng năm**.

3.2. Văn bản Hội nghị sơ kết 6 tháng đầu năm

- Báo cáo sơ kết hoạt động Cụm, Khối thi đua 6 tháng đầu năm gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) **trước ngày 15 tháng 8 hằng năm**; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 15 tháng 4 hằng năm**.

3.3. Văn bản Hội nghị tổng kết

- Báo cáo tổng kết hoạt động Cụm, Khối thi đua.
- Bảng tự chấm điểm thi đua do đơn vị tự chấm và Bảng tổng hợp điểm của Cụm trưởng, Khối trưởng đã được các thành viên trong Cụm, Khối thống nhất.
- Tờ trình đề nghị khen thưởng của Cụm trưởng, Khối trưởng.
- Biên bản họp bình xét thi đua của Cụm, Khối (thể hiện rõ số phiếu thống nhất bình xét danh hiệu thi đua và suy tôn đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối thi đua).
- Báo cáo thành tích của các đơn vị được đề nghị khen thưởng (*theo Mẫu số 2 của Nghị định số 98/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ*).
- Văn bản ý kiến của các đơn vị liên quan đến việc xét, đề nghị khen thưởng theo quy định.

Các văn bản gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) **trước ngày 31 tháng 12 hằng năm**; đối với ngành Giáo dục và Đào tạo **trước 30 tháng 9 hằng năm**.

3.4. Các văn bản khác

- Kế hoạch, Báo cáo về tổ chức triển khai thực hiện các phong trào thi đua do Trung ương, Thành phố phát động.
- Kế hoạch, Báo cáo về tổ chức sinh hoạt chuyên đề; hoạt động giao lưu văn hóa, thể thao; hoạt động an sinh xã hội...

Phần II

NỘI DUNG, TIÊU CHÍ THI ĐUA, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM

I. NỘI DUNG, TIÊU CHÍ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

1. Nội dung chấm điểm

1.1. Nội dung 1: Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh (650 điểm)

Căn cứ vào các chỉ tiêu, kế hoạch của cấp trên giao hằng năm (những chỉ tiêu cấp trên không giao thì căn cứ vào kế hoạch hoặc nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, đơn vị đã được thống nhất phê duyệt), Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp giao hằng năm (đối với thành phố Thủ Đức, quận, huyện) và Quy chế hoạt động, bảng chấm điểm đã được Cụm, Khối ban hành để làm căn cứ chấm điểm. Quy định chi tiết đối với từng nhóm các cơ quan, đơn vị (Mục I, Phụ lục 1).

1.2. Nội dung 2: Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị (150 điểm)

Căn cứ nội dung đã ký kết giao ước thi đua đầu năm; kết quả thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, chỉ đạo cấp trên; kết quả đánh giá của tổ chức chính trị xã hội; bảng chấm điểm đã được Cụm, Khối ban hành để làm căn cứ chấm điểm (Mục II, Phụ lục 1).

1.3. Nội dung 3: Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng (150 điểm)

Căn cứ kết quả thực hiện quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng hằng năm; kết quả thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; quy chế hoạt động, bảng chấm điểm đã được Cụm, Khối ban hành và kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Nội vụ để làm căn cứ chấm điểm (Mục III, Phụ lục 1).

1.4. Đối với các Cụm thi đua cấp Thành phố: các cơ quan, đơn vị có hệ thống ngành dọc tại thành phố Thủ Đức, các quận, huyện chấm điểm (Phụ lục 2); Hằng năm, các cơ quan, đơn vị tổ chức chấm điểm, đánh giá kết quả hoàn thành nhiệm vụ đối với thành phố Thủ Đức, các quận, huyện trên từng mặt công tác theo lĩnh vực chuyên môn, lĩnh vực hoạt động, thang điểm chấm tối đa là **100 điểm chuẩn (đã bao gồm điểm cộng và điểm trừ, chưa tính điểm thưởng)**; mỗi Cụm, Khối thi đua sẽ được các cơ quan, đơn vị **chọn 01 đơn vị dẫn đầu Cụm, Khối để cộng 5 điểm thưởng.**

Lưu ý: các cơ quan, đơn vị khi phân chia Cụm, Khối thi đua đối với các phòng, ban, đơn vị tại thành phố Thủ Đức và các quận, huyện phải thống nhất phân chia Cụm, Khối theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Thành phố.

Thời gian gửi bảng điểm về Ủy ban nhân dân Thành phố (thông qua Sở Nội vụ) và thông báo cho Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Thủ Đức, các quận, huyện ***trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.***

2. Quy định điểm thưởng và điểm trừ

2.1. Điểm thưởng: tối đa 50 điểm

- Thưởng cho các tiêu chí trong Nội dung I đối với Cụm và các Khối doanh nghiệp theo nguyên tắc: cứ vượt 01% kế hoạch thì được thưởng 01% điểm chuẩn của tiêu chí đó (không vượt quá 10% điểm chuẩn). Tổng số điểm thưởng các tiêu chí thi đua trong Nội dung I không vượt quá 30 điểm (*các Cụm, Khối không có tiêu chí định lượng thì thống nhất các đơn vị thành viên được đủ số điểm thưởng của nội dung này là 30 điểm*).

- Thưởng 20 điểm do Sở Nội vụ theo dõi, đánh giá (trên cơ sở theo dõi, đánh giá trên phạm vi toàn Thành phố) đối với các đơn vị tham gia Cụm, Khối thi đua gồm:

+ Thưởng 5 điểm cho đơn vị có các nội dung thực hiện sáng tạo, có hiệu quả, nổi bật trong tổ chức thực hiện các phong trào thi đua; có nhiều mô hình hay, cách làm hiệu quả trong các phong trào thi đua.

+ Thưởng 5 điểm cho đơn vị làm tốt công tác tuyên truyền về công tác thi đua, khen thưởng, có nhiều hình thức biểu dương, nhân rộng điển hình tiên tiến, giới thiệu điển hình để tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử của Thành phố và của Trung ương.

+ Thưởng 5 điểm cho đơn vị thực hiện tốt công tác khen thưởng, khen kịp thời, đúng quy trình, thủ tục chặt chẽ, đúng quy định; khen thưởng kịp thời cho các tập thể, cá nhân, hộ gia đình có thành tích xuất sắc, đột xuất; có tỷ lệ cao về khen thưởng công nhân, nông dân và người lao động trực tiếp.

+ Thưởng 5 điểm cho đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng; 3 điểm cho đơn vị Cụm phó, Khối phó có cách làm tốt, đổi mới, sáng tạo trong việc tổ chức hoạt động Cụm, Khối.

2.2. Điểm trừ:

- Trừ 10 điểm (do Cụm trưởng, Khối trưởng xem xét) đối với các đơn vị thành viên trong Cụm, Khối nếu không thực hiện nghiêm túc các nội dung trong quy chế hoạt động và kế hoạch, chương trình năm của Cụm, Khối thi đua (dự họp không đúng thành phần; không tham gia các hoạt động của Cụm, Khối; thực hiện chế độ thông tin báo cáo trễ hạn,...).

- Trừ 10 điểm do Sở Nội vụ theo dõi, đánh giá, gồm:

+ Trừ 5 điểm đối với các đơn vị trong năm đảm nhiệm Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó nhưng không thực hiện tốt trách nhiệm của đơn vị Cụm trưởng, Cụm phó, Khối trưởng, Khối phó (*không ban hành đầy đủ các văn bản liên quan đến hoạt động Cụm, Khối như: quy chế, bảng điểm, kế hoạch, chương trình, ... và tham gia, tổ chức các hoạt động theo quy định*).

+ Trừ 5 điểm đối với các đơn vị không gửi báo cáo, văn bản triển khai các chương trình, kế hoạch,... theo yêu cầu về Thành phố (*mỗi nội dung thiếu trừ 1 điểm, tổng điểm trừ không quá 5 điểm*).

- Ngoài ra, trong năm Sở Nội vụ phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố theo dõi, trừ điểm đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc Thành phố, gồm:

+ Có văn bản phê bình của Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố (trừ 20 điểm/văn bản) hoặc Thường trực Ủy ban nhân dân Thành phố phê bình, nhắc nhở tại các cuộc họp, hội nghị (trừ 10 điểm/lần).

+ Có đơn thư khiếu nại do giải quyết thủ tục hành chính trễ hạn (trừ 10 điểm/đơn); tỷ lệ hồ sơ giải quyết trễ hạn phải có thư xin lỗi trên 5% (trừ 20 điểm).

II. NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP CHẤM ĐIỂM THI ĐUA

Tổng số điểm chấm thi đua tối đa là **1.000 điểm** bao gồm cả điểm thưởng, trong đó điểm chấm tối đa là **950 điểm** (gồm Mục I, II, III của Phụ lục 1) và điểm thưởng là **50 điểm**.

1. Nguyên tắc chấm điểm

Căn cứ vào nội dung các tiêu chí thi đua chủ yếu (Phụ lục 1) các Cụm, Khối cụ thể hóa hoặc bổ sung thêm tiêu chí cho phù hợp với đặc thù hoạt động của Cụm, Khối nhưng không vượt quá 30% số tiêu chí đã quy định cho từng nội dung. Việc cụ thể hóa hoặc bổ sung nội dung tiêu chí chấm điểm, phân chia thang điểm không được vượt quá khung điểm quy định và phải được các thành viên trong Cụm, Khối thảo luận thống nhất, được Cơ quan thường trực Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố (Sở Nội vụ) nhất trí trước khi ban hành bảng chấm điểm Cụm, Khối thi đua.

Trường hợp đến thời điểm chấm điểm thi đua nhưng chưa có kết quả công bố các chỉ số của năm thực hiện thì lấy kết quả của năm trước liền kề làm căn cứ chấm điểm. Các tiêu chí định lượng trong nội dung I, nếu đơn vị không có thì được tính đối đa bằng điểm chuẩn.

2. Phương pháp chấm điểm

2.1. Các đơn vị tự chấm điểm theo nội dung thang bảng điểm đã được Cụm, Khối thống nhất ban hành, gửi kết quả chấm điểm và các văn bản liên quan về đơn vị Cụm trưởng, Khối trưởng.

2.2. Cụm trưởng, Khối trưởng tổng hợp, rà soát, trao đổi hoặc tiến hành kiểm tra chéo để xác minh kết quả chấm điểm của các đơn vị thành viên.

2.3. Cụm trưởng, Khối trưởng tổ chức hội nghị thống nhất kết quả chấm điểm, thành phần gồm: Cụm trưởng, Khối trưởng, đại diện bộ phận làm công tác thi đua khen thưởng của các đơn vị thành viên, đại diện lãnh đạo của Sở Nội vụ được phân công phụ trách theo dõi Cụm, Khối thi đua để thống nhất về kết quả chấm điểm và các nội dung khác liên quan trước khi tổ chức Hội nghị tổng kết.

III. CÔNG THỨC TÍNH ĐIỂM

1. Đối với các tiêu chí định lượng

Căn cứ kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng nhân dân Thành phố giao trong năm, một số chỉ tiêu Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố không giao thì lấy số thực hiện của năm trước làm số kế hoạch

năm sau để tính điểm. Thực hiện đạt bao nhiêu % kế hoạch thì đạt số điểm tương ứng theo điểm chuẩn của tiêu chí thi đua đó. Nếu số thực hiện cao hơn so với kế hoạch là vượt kế hoạch, số thực hiện thấp hơn so với kế hoạch là chưa hoàn thành kế hoạch. Nếu đạt trên 100% kế hoạch thì được tính điểm thưởng (theo quy định tại mục điểm thưởng), công thức tính như sau:

- Số % đạt được = $TH/KH \times 100\%$.
- Số điểm đạt được = Điểm chuẩn x Số % đạt được.
- Số điểm thưởng = Số điểm đạt được - Điểm chuẩn.

Ví dụ: Trong tiêu chí Tổng thu ngân sách: Kế hoạch là 50, thực hiện là 52, điểm chuẩn trong tiêu chí này là 100 điểm, cách tính như sau:

$$\text{Số \% đạt được} = (52/50 \times 100\%) = 104\%.$$

$$\text{Số điểm đạt được} = 100 \times 104\% = 104 \text{ điểm}.$$

$$\text{Số điểm thưởng} = 104 - 100 = 04 \text{ điểm}.$$

- Tiêu chí thứ 3 Nội dung 2 Phần thứ nhất: thực hiện đạt bao nhiêu % thì đạt bấy nhiêu điểm tương ứng, nhưng không vượt quá số điểm chuẩn quy định.

2. Đối với các tiêu chí tính ngược (giảm)

$$\text{Số \% đạt được} = 100\% + (KH - TH)/KH \times 100\%.$$

$$\text{Số điểm đạt được} = \text{Điểm chuẩn} \times \text{Số \% đạt được}.$$

$$\text{Số điểm thưởng} = \text{Số điểm đạt được} - \text{Điểm chuẩn}.$$

Ví dụ: Trong tiêu chí giảm hộ nghèo

Kế hoạch giảm còn là 10% hộ nghèo; cuối năm thực hiện giảm còn 9% hộ nghèo; điểm chuẩn trong tiêu chí này là 40, cách tính như sau:

$$\text{Số \% đạt được} = 100\% + (10 - 9)/10 \times 100\% = 110\%.$$

$$\text{Số điểm đạt được} = 40 \times 110\% = 44 \text{ điểm}.$$

$$\text{Số điểm thưởng} = 44 - 40 = 04 \text{ điểm}.$$

3. Công thức tính điểm tổng thi đua

3.1. Đối với cụm thi đua

- Điểm cụm thi đua chấm qua thẩm định rà soát (I): (nội dung 1 + nội dung 2 + nội dung 3 + điểm thưởng)

- Điểm trung bình sở, ban, ngành và các Đoàn thể chấm (II)

$$\text{Tổng điểm xếp hạng thi đua} = (I + II) / 2$$

3.2. Đối với khối thi đua

- Điểm khối thi đua chấm qua thẩm định rà soát (I): (nội dung 1 + nội dung 2 + nội dung 3 + điểm thưởng)

- Điểm rà soát của Sở Nội vụ (II)

$$\text{Tổng điểm xếp hạng thi đua} = (I + II)/2$$

Phần III

BÌNH XÉT THI ĐUA, ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

I. CĂN CỨ BÌNH XÉT THI ĐUA

1. Đăng ký chỉ tiêu thi đua đầu năm và kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, chỉ tiêu kế hoạch được giao theo nội dung đã ký kết giao ước thi đua; các hoạt động về hoạt động Cụm, Khối thi đua theo Kế hoạch của từng Cụm, Khối.

2. Kết quả chấm điểm của các sở, ban, ngành, các ban đảng, đoàn thể Thành phố chấm do Sở Nội vụ tổng hợp và kết quả theo dõi, đánh giá của Sở Nội vụ về công tác thi đua, khen thưởng.

3. Tập thể được Cụm, Khối thi đua bình xét, suy tôn dẫn đầu đề nghị tặng Cờ thi đua của Thành phố phải là đơn vị tiêu biểu xuất sắc nhất, ***hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch và nhiệm vụ được giao trong năm và có từ 05 biên chế trở lên***; tặng Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phải là đơn vị thuộc Cụm, Khối thi đua cấp Thành phố hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên và đạt từ ***900 điểm*** trở lên.

4. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc Thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, khen thưởng về hoạt động Cụm, Khối thi đua hằng năm, cần đáp ứng điều kiện cơ bản sau:

- Tích cực hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước do Trung ương và Thành phố phát động, đồng thời phải xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức, phát động phong trào thi đua với những mục tiêu, nội dung, chỉ tiêu thi đua cụ thể gắn với thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương và đơn vị.

- Có đóng góp tích cực trong hoạt động tại các Cụm, Khối thi đua.

- Tham gia, tổ chức sinh hoạt chuyên đề giới thiệu các mô hình, sáng kiến, trao đổi học tập kinh nghiệm... và tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ; tổ chức hội thi, hội thao,...(nếu có).

- Thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, báo cáo sơ kết, tổng kết phong trào thi đua và các báo cáo đột xuất, chuyên đề theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố.

5. Ngoài ra, các tập thể được đề nghị khen thưởng về hoạt động Cụm, Khối thi đua phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định.

6. Không xét thi đua đối với những đơn vị:

- Không đăng ký các nội dung, chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ thi đua của năm và không ký kết giao ước thi đua của Cụm, Khối thi đua hằng năm.

- Có các vụ tiêu cực, tham nhũng, sai phạm nghiêm trọng trong việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước (*trong năm có kết luận của cơ quan thẩm quyền về việc kỷ luật từ mức khiển trách trở lên đối với tập thể, cá nhân người đứng đầu cấp ủy, đơn vị*).

II. BÌNH XÉT THI ĐUA

1. Đối với các Cụm, Khối thi đua cấp Thành phố

Mỗi Cụm, Khối thi đua tổ chức bình xét, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét, tặng Cờ thi đua của Thành phố và đề nghị xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ (nếu đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định); các đơn vị còn lại có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động Cụm, Khối (đáp ứng các tiêu chí thi đua theo quy định) được đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét tặng Bằng khen.

Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố xem xét, quyết định tặng Cờ thi đua của Thành phố thêm cho các đơn vị có thành tích xuất sắc tiêu biểu, nổi trội trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc các lĩnh vực (nếu có).

2. Đối với các Cụm, Khối trực thuộc thành phố Thủ Đức và các quận, huyện: Mỗi Cụm, Khối tổ chức bình xét, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng thành phố Thủ Đức, các quận, huyện xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét tặng Cờ thi đua của Thành phố và đề nghị xét, tặng Cờ thi đua Chính phủ (nếu đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định), như sau:

- Cụm thi đua phường, xã, thị trấn: 01 Cờ thi đua đối với cụm phường, xã, thị trấn (hoặc 02 Cờ thi đua nếu đơn vị có từ 16 đến 20 phường, xã, thị trấn hoặc 03 Cờ thi đua nếu đơn vị có trên 20 phường, xã, thị trấn trở lên).

- Khối thi đua các phòng, ban, đơn vị: xét chọn các đơn vị tiêu biểu, dẫn đầu khối thi đua trực thuộc, được các sở, ngành, các ban đảng, đoàn thể Thành phố chấm điểm đứng nhất khối thi đua ngành dọc tại địa phương.

- Khối thi đua doanh nghiệp: 01 Cờ thi đua đối với khối doanh nghiệp (hoặc 02 Cờ thi đua nếu đơn vị có từ 16 đến 30 doanh nghiệp hoặc 03 Cờ thi đua nếu đơn vị có trên 30 doanh nghiệp).

- Khối thi đua các trường học (trung học cơ sở, tiểu học, mầm non): 01 Cờ thi đua đối với khối các trường mỗi cấp học (hoặc 02 Cờ thi đua nếu đơn vị có từ 16 đến 30 trường hoặc 03 Cờ thi đua nếu đơn vị có trên 30 trường).

- Khối thi đua các Hợp tác xã: 01 Cờ thi đua đối với khối Hợp tác xã (hoặc 02 Cờ thi đua nếu đơn vị có từ 16 đến 30 Hợp tác xã hoặc 03 Cờ thi đua nếu đơn vị có trên 30 Hợp tác xã) sau khi thống nhất ý kiến với Liên minh Hợp tác xã Thành phố.

Lưu ý: Các đơn vị dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua không được xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của Thành phố, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các quận, huyện tặng Giấy khen về thành tích xuất sắc, tiêu biểu, nổi trội theo ngành, lĩnh vực và trong hoạt động Cụm, Khối thi đua.

3. Đối với khối thi đua trực thuộc các sở, ban, ngành, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị xã hội Thành phố, cơ quan, đơn vị, tổng công ty, công ty thuộc Thành phố: Mỗi Khối thi đua tổ chức bình xét, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất đề nghị Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị xét, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét tặng Cờ thi đua của Thành phố và đề nghị xét tặng Cờ thi đua Chính phủ (nếu đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định), như sau:

- Khối thi đua phòng, ban, đơn vị: 01 Cờ thi đua đối với khối thi đua các phòng, ban, đơn vị (hoặc 02 Cờ thi đua nếu đơn vị có từ 16 đến 20 đơn vị trực thuộc hoặc 03 Cờ thi đua nếu đơn vị có trên 20 đơn vị trực thuộc trở lên).

- Khối thi đua doanh nghiệp: 01 Cờ thi đua đối với khối doanh nghiệp (hoặc 02 Cờ thi đua nếu đơn vị có từ 16 đến 30 doanh nghiệp hoặc 03 Cờ thi đua nếu đơn vị có trên 30 doanh nghiệp).

Lưu ý: Các đơn vị dẫn đầu các Cụm, Khối thi đua không được xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của Thành phố, thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố tặng Giấy khen về thành tích xuất sắc, tiêu biểu, nổi trội theo ngành, lĩnh vực và trong hoạt động Khối thi đua.

4. Đối với các khối thi đua trực thuộc các cơ quan, đơn vị ngành dọc tham gia thi đua tại Thành phố (không xét thi đua, khen thưởng hằng năm theo tuyên trình Thành phố): mỗi khối thi đua tổ chức bình xét, suy tôn 01 đơn vị tiêu biểu, xuất sắc nhất đề xuất Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cơ quan, đơn vị đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xét tặng Cờ thi đua của Thành phố (nếu đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định).

5. Căn cứ kết quả bình xét của các Cụm, Khối thi đua, Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố xem xét, cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Cờ thi đua, Bằng khen theo quy định.

Việc xét, đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố xem xét và lựa chọn không quá 20% tổng số tập thể đạt tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua của Thành phố.

Các tập thể được đề nghị xét, tặng Cờ thi đua của Chính phủ thì không được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố tặng Cờ thi đua của Thành phố. Trong trường hợp tập thể đã được đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ nhưng không được xét tặng do chưa đảm bảo tiêu chuẩn, hồ sơ, thủ tục theo quy định thì sẽ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, khen thưởng bằng hình thức phù hợp.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cụm trưởng, Khối trưởng có trách nhiệm xây dựng kế hoạch để tổ chức cho các thành viên trong Cụm, Khối hoạt động và bình xét thi đua theo các nội dung của Hướng dẫn.

2. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua đối với các Cụm, Khối thi đua trực thuộc.

Trên đây là Hướng dẫn tổ chức hoạt động và bình xét thi đua đối với Cụm, Khối thi đua thuộc Thành phố và thay thế Hướng dẫn số 5554/HD-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố. Đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương, Cụm trưởng, Khối trưởng Cụm, Khối thi đua thuộc Thành phố triển khai thực hiện, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phản ánh kịp thời về Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nội vụ) bằng văn bản để tiếp tục nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(Đính kèm Phụ lục 1, Phụ lục 2, Phụ lục 3)./.

Nơi nhận:

- Hội đồng TĐKT Trung ương;
- Bộ Nội vụ;
- TTUB: CT, các PCT;
- Thành viên Hội đồng TĐKT TP;
- Văn phòng Thành ủy, HĐND TP;
- Các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn TP;
- UBMTTQ VN TP và các tổ chức chính trị xã hội TP;
- Các sở, ban, ngành Thành phố;
- Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện;
- Tổng công ty, công ty thuộc Thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Thành phố;
- Sở Nội vụ (5b);
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Phòng VX, THKH;
- Lưu: VT, (VX-HC).

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hoan

Phụ lục 1
THANG BẢNG ĐIỂM CỤM, KHỐI THI ĐUA THUỘC THÀNH PHỐ
(Đính kèm Hướng dẫn số /HD-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

I. Thi đua phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh, gồm các tiêu chí sau: (650 điểm)

1. Đối với các Ban Đảng thuộc Thành ủy

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khối chấm	Điểm rà soát
1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị và các chương trình, kế hoạch được Thành ủy giao (có đánh giá, so sánh với năm trước).	150			
2	Đánh giá tình hình thực hiện công tác tham mưu cho Thành ủy trong chỉ đạo, điều hành và lĩnh vực công tác trọng tâm có liên quan đến hoạt động của đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.	150			
3	Công tác nghiên cứu khoa học, đúc kết, tổng kết thực tiễn, xây dựng các chuyên đề, dự án hoặc đề án phục vụ xây dựng các chủ trương, chính sách của thành phố thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách hoặc phục vụ yêu cầu chỉ đạo của Thành ủy (có báo cáo tên các chuyên đề, dự án cụ thể). Các văn bản và các chế độ chính sách đối với ngành hoặc lĩnh vực đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.	100			
4	Kết quả thực hiện công tác lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp với các Ban Đảng của Thành ủy Thủ Đức, Quận ủy, Huyện ủy, Đảng ủy cấp trên cơ sở, Đảng ủy Khối trong việc thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách của Nhà nước và đổi mới phương thức hoạt động để đạt hiệu quả, thiết thực và nhanh chóng đi vào thực tiễn đời sống xã hội.	80			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khóikhám	Điểm rà soát
5	Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị, gồm:	80			
	a) Kết quả sắp xếp, tinh giản bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và quản lý đội ngũ công chức (có đề án, kế hoạch thực hiện).	10			
	b) Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.	10			
	c) Kết quả quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công; kết quả thực hiện khoán quỹ lương và biên chế hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức so với năm trước, số biên chế cán bộ giảm trong năm so với biên chế cán bộ được giao.	10			
	d) Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy.	10			
	đ) Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu chỉ đạo của Thành ủy.	10			
	e) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của Thành ủy.	10			
	g) Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị.	10			
	h) Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.	10			
6	Kết quả thực hiện và hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa liên thông” (nếu có), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyển và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình công tác và liên thông đến các tập thể có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.	40			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khối chấm	Điểm rà soát
7	Có triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại đơn vị.	50			
	Tổng cộng	650			

2. Đối với Đảng ủy Khối, Đảng ủy cấp trên cơ sở thuộc Thành ủy

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khối chấm	Điểm rà soát
1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, trong phối hợp với chính quyền cùng cấp để lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao (có so sánh với năm trước).	150			
2	Đánh giá tình hình thực hiện công tác xây dựng Đảng về tổ chức, công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao nhận thức cho Đảng viên, công nhân, người lao động và tích cực đổi mới phương thức hoạt động, để xây dựng Đảng bộ vững mạnh, trong sạch và các Đoàn thể xuất sắc.	150			
3	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu về phát triển Đảng viên mới, thực hiện phân loại, đánh giá các tổ chức cơ sở Đảng và Đảng viên (tăng, giảm so với năm trước) để xây dựng Đảng bộ ngày càng vững mạnh, trong sạch.	100			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
4	Công tác nghiên cứu khoa học, đúc kết thực tiễn, xây dựng các chuyên đề, dự án hoặc đề án phục vụ xây dựng các chủ trương, các giải pháp lớn của Thành phố thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách hoặc phục vụ yêu cầu chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố (có báo cáo tên các chuyên đề, dự án cụ thể).	80			
5	Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị, gồm:	80			
	a) Kết quả sắp xếp, tinh giản bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và quản lý đội ngũ công chức (có đề án, kế hoạch thực hiện).	10			
	b) Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.	10			
	c) Kết quả quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công; kết quả thực hiện khoán quỹ lương và biên chế hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức so với năm trước, số biên chế cán bộ giảm trong năm so với biên chế cán bộ được giao.	10			
	d) Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên.	10			
	đ) Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu chỉ đạo của cấp trên và ngành thống kê.	10			
	e) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của cấp trên.	10			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
	g) Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị.	10			
	h) Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.	10			
6	Kết quả thực hiện và hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa liên thông” (nếu có), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyển và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình công tác và liên thông đến các tập thể có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.	40			
7	Có triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại đơn vị.	50			
	Tổng cộng	650			

3. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị - xã hội Thành phố

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
1	Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm.	150			
2	Đánh giá tình hình thực hiện công tác xây dựng khối Đại đoàn kết toàn dân tộc, tập hợp các đoàn thể, hội viên, quần chúng nhân dân tham gia vào các phong trào thi đua, các hoạt động do đơn vị phát động và thực hiện các chủ trương của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước.	100			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
3	Công tác nghiên cứu khoa học, đúc kết thực tiễn, xây dựng các văn bản, chuyên đề, dự án hoặc đề án phục vụ xây dựng các chủ trương, các giải pháp lớn của thành phố thuộc lĩnh vực đơn vị phụ trách hoặc phục vụ yêu cầu chỉ đạo của cấp trên (có báo cáo tên các chuyên đề, dự án cụ thể).	80			
4	Kết quả hỗ trợ, củng cố tổ chức thành viên và kết quả đánh giá, phân loại của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể cấp trên đối với đơn vị mình trong năm qua.	70			
	a) Giải pháp đổi mới công tác vận động quần chúng.	20			
	b) Công tác xây dựng tổ chức	30			
	c) Công tác củng cố, phát huy vai trò các thành viên, tổ chức thành viên.	20			
5	Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị, gồm:	80			
	a) Kết quả sắp xếp, tinh giản bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và quản lý đội ngũ công chức (có đề án, kế hoạch thực hiện).	10			
	b) Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.	10			
	c) Kết quả quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công; kết quả thực hiện khoán quỹ lương và biên chế hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức so với năm trước, số biên chế cán bộ giảm trong năm so với biên chế cán bộ được giao.	10			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
	d) Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên.	10			
	đ) Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu chỉ đạo của cấp trên và ngành thống kê.	10			
	e) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của cấp trên.	10			
	g) Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị.	10			
	h) Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.	10			
6	Kết quả thực hiện và hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa liên thông” (nếu có), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyển và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình công tác và liên thông đến các tập thể có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.	40			
7	Tham gia, kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội.	80			
8	Có triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại đơn vị.	50			
	Tổng cộng	650			

4. Đối với các Sở, ban, ngành Thành phố

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khôi chấm	Điểm rà soát
1	Kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, các chỉ tiêu, kế hoạch đăng ký hoặc do Thành phố giao.	200			
2	Công tác nghiên cứu, tham mưu thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; xây dựng các chương trình, đề án, dự án...các văn bản và các chế độ chính sách đối với ngành hoặc lĩnh vực đảm bảo chất lượng và đúng tiến độ.	50			
3	Kết quả công tác quản lý Nhà nước theo ngành, lĩnh vực phụ trách, công tác chỉ đạo, kiểm tra, phối hợp, hướng dẫn, giúp đỡ thành phố Thủ Đức, các quận, huyện và các sở, ban ngành liên quan thực hiện nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực sở, ban ngành phụ trách.	50			
4	Công tác tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong xây dựng các văn bản chỉ đạo, văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của sở, ban, ngành kịp thời, đảm bảo chất lượng.	50			
5	Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị, gồm:	80			
	a) Kết quả sắp xếp, tinh giản bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và quản lý đội ngũ công chức (có đề án, kế hoạch thực hiện).	10			
	b) Tình hình và hiệu quả thực hiện công tác dân vận chính quyền và quy chế dân chủ ở cơ sở.	10			
	c) Kết quả quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công; kết quả thực hiện khoán quỹ lương và biên chế hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức so với	10			

	năm trước, số biên chế cán bộ giảm trong năm so với biên chế cán bộ được giao.				
	d) Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.	10			
	đ) Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và ngành thống kê.	10			
	e) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của Ủy ban nhân dân thành phố.	10			
	g) Có triển khai công tác phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị.	10			
	h) Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.	10			
6	Công tác Cải cách hành chính:	120			
	a) Kết quả thực hiện và hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa liên thông” (nếu có), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyển và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình, công tác và liên thông đến các đơn vị có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của sở, ngành, đơn vị.	30			
	b) Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng, phát triển chính quyền số, chính quyền điện tử; áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.	40			
	c) Chỉ tiêu cải cách hành chính, chuyển đổi số (<i>đối với các đơn vị không đánh giá xếp hạng theo thứ hạng thì phiên qua như sau: “Xuất sắc” tương đương từ hạng 1 đến hạng 10; “Tốt” tương đương từ hạng 11 đến hạng 20; “Khá” tương đương từ hạng 21 đến hạng 30; “Trung bình” tương đương từ hạng 31 trở lên</i>).	50			

	- Chỉ số cải cách hành chính (PAR-index): + Xếp hạng từ 01 đến 10: 20 điểm + Xếp hạng từ 11 đến 20: 15 điểm + Xếp hạng từ 21 đến 30: 10 điểm + Xếp hạng từ 31 trở lên: 05 điểm	20			
	- Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh (DDCI) + Xếp hạng từ 01 đến 10: 15 điểm + Xếp hạng từ 11 đến 20: 10 điểm + Xếp hạng từ 21 đến 30: 05 điểm + Xếp hạng từ 31 trở lên: 0 điểm	15			
	- Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) + Xếp hạng từ 01 đến 10: 15 điểm + Xếp hạng từ 11 đến 20: 10 điểm + Xếp hạng từ 21 đến 30: 05 điểm + Xếp hạng từ 31 trở lên: 0 điểm	15			
7	Có Kế hoạch, nội dung thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tại đơn vị.	20			
8	Xây dựng đơn vị đạt chuẩn “an toàn về an ninh, trật tự”.	30			
9	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch được giao trong năm: - Đạt từ 100% trở lên (50 điểm) - Đạt từ 95% đến 99% (40 điểm) - Đạt từ 80% đến 94% (30 điểm) - Đạt dưới 80% (20 điểm)	50			
	Tổng cộng	650			

5. Đối với các Trường Đại học, Cao đẳng thuộc Thành phố

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
1	Kết quả thực hiện Công tác đào tạo - Theo tiêu chí của Bộ Giáo dục và Đào tạo đối với các trường đại học;	200			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khôi chấm	Điểm rà soát
	- Theo tiêu chí của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đối với các trường cao đẳng;				
2	Công tác Hội nhập quốc tế	50			
3	Quản trị đại học/cao đẳng	40			
4	Công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục	50			
5	Công tác nghiên cứu khoa học, đúc kết thực tiễn, xây dựng các chuyên đề, dự án hoặc đề án phục vụ xây dựng các chủ trương, các giải pháp lớn của thành phố thuộc lĩnh vực sở, ban ngành phụ trách hoặc phục vụ yêu cầu chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố. (có báo cáo tên các chuyên đề, dự án cụ thể).	100			
6	Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị, gồm:	70			
	a) Kết quả sắp xếp, tinh giản bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và quản lý đội ngũ công chức (có đề án, kế hoạch thực hiện).	10			
	b) Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.	10			
	c) Kết quả quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công; kết quả thực hiện khoán quỹ lương và biên chế hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức so với năm trước, số biên chế cán bộ giảm trong năm so với biên chế cán bộ được giao.	10			
	d) Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.	10			
	đ) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của Ủy ban nhân dân thành phố.	10			
	e) Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị.	10			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khôi chấm	Điểm rà soát
	g) Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.	10			
7	Kết quả thực hiện và hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “Một cửa liên thông” (nếu có), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyển và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình, công tác và liên thông đến các đơn vị có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của sở, ngành, đơn vị.	40			
8	Có Kế hoạch, nội dung thực hiện Chương trình phát triển thanh niên, sinh viên tại đơn vị.	50			
9	Có triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại đơn vị.	50			
	Tổng cộng	650			

6. Đối với các Tổ chức xã hội nghề nghiệp

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khôi chấm	Điểm rà soát
1	Công tác xây dựng báo cáo, tham mưu kế hoạch theo chỉ đạo của Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố.	50			
2	Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch trong năm.	200			
3	Kết quả tổ chức vận động quần chúng, tổ chức các phong trào thi đua và xây dựng tổ chức cơ sở cơ sở Hội:	100			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
	a) Ban hành các Kế hoạch, Chương trình phát động phong trào thi đua.	30			
	b) Kết quả xây dựng, đổi mới phương thức hoạt động tại đơn vị.	40			
	c) Kết quả phát triển hội viên mới.	30			
4	Thực hiện công tác nghiên cứu, tham mưu hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước của đơn vị.	80			
5	Xây dựng các đề án, dự án, có các giải pháp, chương trình, đúc kết các thực tiễn đã thực hiện để nâng cao chất lượng, đưa hoạt động đơn vị đi vào nề nếp và đạt hiệu quả thiết thực (có báo cáo tên các đề án, dự án cụ thể).	50			
6	Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị, gồm:	80			
	a) Kết quả sắp xếp, tinh giản bộ máy tổ chức và công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, xây dựng và quản lý đội ngũ công chức (có đề án, kế hoạch thực hiện).	10			
	b) Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.	10			
	c) Kết quả quản lý sử dụng ngân sách, công tác quản lý tài sản công; kết quả thực hiện khoán quỹ lương và biên chế hành chính, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức so với năm trước, số biên chế cán bộ giảm trong năm so với biên chế cán bộ được giao.	10			
	d) Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên.	10			

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
	đ) Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu chỉ đạo của cấp trên và ngành thống kê.	10			
	e) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những chỉ đạo tập trung của cấp trên.	10			
	g) Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị.	10			
	h) Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.	10			
7	Kết quả thực hiện và hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa liên thông” (nếu có), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyển và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình công tác và liên thông đến các tập thể có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.	40			
8	Có triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại đơn vị.	50			
	Tổng cộng	650			

7. Đối với các Tổng công ty, công ty

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
1	Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh	200						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khỏi chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	doanh so với kế hoạch và so với năm trước, gồm:							
	a) Tổng doanh thu	50						
	b) Tổng lợi nhuận.	50						
	c) Nộp ngân sách Nhà nước.	50						
	d) Tốc độ tăng trưởng của đơn vị (qua số liệu về giá trị sản xuất, doanh thu, kim ngạch xuất nhập khẩu...).	50						
2	Đổi mới phát triển sản xuất kinh doanh, gồm:	150						
	a) Đổi mới công tác tổ chức quản lý, sắp xếp lại doanh nghiệp (nếu có).	50						
	b) Đầu tư đổi mới máy móc, thiết bị, công nghệ mới (tổng vốn đầu tư so với kế hoạch, so với năm trước).	50						
	c) Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới và bảo vệ môi trường.	30						
	d) Xây dựng phong trào phát huy sáng kiến kỹ thuật, cải tiến phương pháp phục vụ, bảo đảm an toàn, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi sinh môi trường.	20						
3	Chăm lo cho người lao động: Thu nhập bình	50						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khối chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	quân của người lao động so với năm trước, thực hiện tốt Luật Lao động.							
4	Tham gia các hoạt động từ thiện xã hội do thành phố, địa phương và ngành phát động.	50						
5	Công tác xây dựng bộ máy tổ chức đơn vị, gồm:	80						
	a) Kết quả công tác quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, xây dựng và quản lý đội ngũ cán bộ (có đề án, kế hoạch thực hiện).	10						
	b) Tình hình và hiệu quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.	10						
	c) Tình hình quản lý và sử dụng tài sản công.	10						
	d) Tình hình thực hiện thông tin, báo cáo phục vụ kịp thời cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo ở các đơn vị và yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của thành phố.	10						
	đ) Hoạt động thống kê, cập nhật tình hình, số liệu kịp thời theo quy định và theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan.	10						
	e) Có kế hoạch, chương trình công tác cụ thể, triển khai đầy đủ, kịp thời những	10						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khối chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	chỉ đạo tập trung của Ủy ban nhân dân Thành phố.							
	g) Có triển khai thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí tại đơn vị.	10						
	h) Xây dựng đơn vị đạt chuẩn văn hóa.	10						
6	Có triển khai biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn PCCC trong quá trình sản xuất, kinh doanh.	30						
7	Kết quả thực hiện và hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính theo mô hình “một cửa liên thông” (nếu có), ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, lưu trữ, trích lục hồ sơ, tài liệu; công tác chuyển và nhận văn bản giữa các đơn vị theo tiêu chuẩn chất lượng ISO trong các quy trình công tác và liên thông đến các tập thể có thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin của đơn vị.	40						
8	Có Kế hoạch, nội dung thực hiện Chương trình phát triển thanh niên tại đơn vị.	20						
9	Có triển khai, tuyên truyền công tác đảm bảo an ninh chính trị,	30						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm đơn vị tự chấm	Điểm Khối chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	trật tự an toàn xã hội tại đơn vị.							
	Tổng cộng	650						

8. Đối với Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện:

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm tự chấm	Điểm Cụm chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
1	Tổng thu ngân sách trên địa bàn - Thành phố Thủ Đức và các huyện: căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân. - Quận: so với cùng kỳ	150						
2	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công theo kế hoạch được giao trong năm - Đạt từ 100% trở lên (30 điểm) - Đạt từ 95% đến 99% (20 điểm) - Đạt từ 80 đến 94% (10 điểm) - Đạt dưới 80% (5 điểm)	30						
3	Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo tiêu chí mới	20						
4	Số người lao động được giải quyết việc làm.	10						
5	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia trong năm.	20						
6	- Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế (10 điểm)	30						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm tự chấm	Điểm Cụm chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	- <i>Tỉ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế (10 điểm)</i> - <i>Tỉ lệ trẻ em dưới 01 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin (10 điểm)</i>							
7	Công tác chỉnh trang đô thị trên địa bàn thành phố Thủ Đức, quận, huyện:	40						
	a) Giảm tỉ lệ xử phạt hành chính lấn chiếm lòng lề đường làm mất mỹ quan đô thị, đạt hiệu quả cao	20						
	b) Giảm công trình xây dựng trái phép.	20						
8	Công tác an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội:	30						
	a) Giảm số vụ phạm pháp hình sự so với năm trước;	10						
	b) Giảm số người nghiện ma túy, mại dâm so với năm trước;	10						
	c) Giảm số vụ cháy nổ so với năm trước.	10						
9	Công tác tuyển quân và quân sự địa phương:	20						
	a) Giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng;	10						
	b) Thực hiện chỉ tiêu tuyển quân.	10						
10	Thực hiện an toàn giao thông:	30						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm tự chấm	Điểm Cụm chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	a) Giảm số vụ tai nạn giao thông so với năm trước;	10						
	b) Giảm số người chết so với năm trước;	10						
	c) Giảm số người bị thương so với năm trước.	10						
11	<i>Đảm bảo an toàn thực phẩm:</i>	40						
	a) Ngăn ngừa có hiệu quả tình trạng ngộ độc thực phẩm trong đó giảm 30% số vụ ngộ độc thực phẩm cấp tỉnh (số vụ);	20						
	b) Nâng cao kiến thức và thực hành về an toàn thực phẩm cho các nhóm đối tượng.	20						
12	<i>Đảm bảo vệ sinh, môi trường:</i>	40						
	Tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước sạch	10						
	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý	10						
	Nâng cao kiến thức về đảm bảo vệ sinh, môi trường;	10						
	Chuyển đổi các điểm đen ô nhiễm môi trường thành nơi sinh hoạt cộng đồng trong dân cư hoặc giữ vững các điểm đen ô nhiễm đã chuyển đổi thành nơi sinh hoạt cộng đồng trong dân cư.	10						
13	<i>Thực hành tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí:</i>	40						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm tự chấm	Điểm Cụm chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	a) Có văn bản chỉ đạo và kế hoạch thực hiện tại đơn vị;	20						
	b) Xử lý kịp thời các phản ánh, tố cáo tham nhũng, đảm bảo thời gian quy định của Luật KNTC kể từ khi có thông tin.	20						
14	Công tác cải cách hành chính:	150						
	a) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính;	20						
	b) Tỷ lệ hài lòng của người dân và doanh nghiệp: - Tỷ lệ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt 95 - 100% (30 điểm) - Tỷ lệ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt 85 - 94 %; (20 điểm) - Tỷ lệ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt 75 - 84%. (10 điểm)	30						
	c) Công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng, phát triển chính quyền số, chính quyền điện tử; áp dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	50						
	d) Chỉ tiêu cải cách hành chính, chuyển đổi số (đối với các đơn vị không đánh giá các chỉ số CCHC theo thứ	50						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm tự chấm	Điểm Cụm chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	<i>hạng thì phiên qua như sau: “Xuất sắc” tương đương từ hạng 1 đến hạng 10; “Tốt” tương đương từ hạng 11 đến hạng 20; “Khá” tương đương từ hạng 21 đến hạng 30; “Trung bình” tương đương từ hạng 31 trở lên).</i>							
	- Chỉ số cải cách hành chính (PAR-index): + Xếp hạng từ 01 đến 10: 20 điểm + Xếp hạng từ 11 đến 20: 15 điểm + Xếp hạng từ 21 đến 30: 10 điểm + Xếp hạng từ 31 trở lên: 05 điểm	20						
	- Kết quả đánh giá năng lực cạnh tranh (DDCI) + Xếp hạng từ 01 đến 10: 15 điểm + Xếp hạng từ 11 đến 20: 10 điểm + Xếp hạng từ 21 đến 30: 05 điểm + Xếp hạng từ 31 trở lên: 0 điểm	15						
	- Chỉ số đánh giá chuyển đổi số (DTI) + Xếp hạng từ 01 đến 10: 15 điểm + Xếp hạng từ 11 đến 20: 10 điểm + Xếp hạng từ 21 đến 30: 05 điểm	15						

Tiêu chí	Nội dung I	Điểm chuẩn	Kết quả			Điểm tự chấm	Điểm Cụm chấm	Điểm rà soát
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ			
	+ Xếp hạng từ 31 trở lên: 0 điểm							
	Tổng cộng	650						

II. Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; xây dựng hệ thống chính trị (150 điểm)

Tiêu chí	Nội dung thi đua II	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm Cụm, khối chấm
1.	Tổ chức học tập, quán triệt, triển khai chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước	30		
2.	Tổ chức triển khai thực hiện các Chỉ thị, Kết luận, thông tri của Thành ủy	10		
3.	Tổ chức triển khai Nghị quyết, Quyết định do Trung ương ban hành (cập nhật hằng năm những Nghị quyết, Quyết định... mới cho phù hợp)	40		
	a) Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	10		
	b) Nghị quyết số 18/NQ-TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; Nghị quyết số 19/NQ-TW ngày 25/10/2017 về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị công lập	10		
	c) Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, lan tỏa thông tin tích cực, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên Internet, mạng xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.	10		
	d) Tổ chức triển khai có hiệu quả phong trào Dân vận khéo	10		
4.	Tổ chức triển khai có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở theo quy định của Đảng và Nhà nước	10		
5.	Tổ chức triển khai thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”	20		

Tiêu chí	Nội dung thi đua II	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm Cũm, khối chấm
	a) Có văn bản triển khai thực hiện “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.	10		
	b) Có các hình thức biểu dương, khen thưởng gương điển hình tiên tiến “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.	10		
6.	Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trong năm, trong đó:	30		
	a) Từ 45% trở lên	30		
	b) Từ 40% đến dưới 45%	20		
	c) Từ 30% đến dưới 40%	10		
7.	Xây dựng tổ chức Đoàn thể hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	10		
	Được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	5		
	Được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức chính trị xã hội Thành phố khen thưởng: - Cờ thi đua: 5 điểm - Bằng khen: 3 điểm	5		

III. Thực hiện công tác thi đua, khen thưởng (150 điểm)

TT	Nội dung III	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm Cũm, Khối chấm	Điểm Ban TĐ-KT rà soát
1	Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác thi đua, khen thưởng	20			
	- Triển khai kịp thời các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về công tác thi đua, khen thưởng	15			
	+ Ban hành văn bản của cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo phong trào thi đua, công tác khen thưởng (ban hành trong năm 2 điểm; ban hành các năm trước 1 điểm)	02			

TT	Nội dung III	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm Cùm, Khối chấm	Điểm Ban TĐ-KT rà soát
	+ Ban hành quy định về công tác thi đua, khen thưởng kịp thời, đúng quy định	03			
	+ Thường xuyên củng cố, kiện toàn Hội đồng Thi đua - Khen thưởng và bổ sung Quy chế hoạt động phù hợp với Luật Thi đua, khen thưởng.	02			
	+ Phân chia Cùm, Khối và hướng dẫn hoạt động, bình xét thi đua của Cùm, khối thi đua trực thuộc	03			
	+ Phân công thành viên Hội đồng trực tiếp phụ trách các đơn vị và Cùm, Khối thi đua.	02			
	+ Có quy chế hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại đơn vị và Hướng dẫn việc thành lập, hoạt động Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tại đơn vị trực thuộc.	03			
	- Thực hiện kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng hằng năm (có kế hoạch kiểm tra, giám sát)	03			
	- Thành lập và có quy chế hoạt động của Hội đồng Sáng kiến tại đơn vị và hướng dẫn việc thành lập, hoạt động của Hội đồng Sáng kiến tại đơn vị trực thuộc.	02			
2	Tổ chức, triển khai thực hiện phong trào thi đua	50			
	a) Triển khai, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Trung ương phát động (không vượt quá điểm chuẩn)	20			
	- Có kế hoạch phát động, nội dung, tiêu chí thi đua (mỗi phong trào thi đua 2 điểm)	10			
	- Có sơ kết, tổng kết đánh giá, bình xét khen thưởng (mỗi phong trào thi đua 1 điểm)	05			
	- Có mô hình, ĐHTT, cách làm mới trong phong trào thi đua (mỗi phong trào thi đua 1 điểm)	05			
	b) Triển khai, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua do Thành phố phát động (không vượt quá điểm chuẩn)	20			
	- Có kế hoạch phát động, nội dung, tiêu chí thi đua (mỗi phong trào thi đua 2 điểm)	10			
	- Có sơ kết, tổng kết đánh giá, bình xét khen thưởng (mỗi phong trào thi đua 1 điểm)	05			
	- Có mô hình, ĐHTT, cách làm mới trong phong trào thi đua (mỗi phong trào thi đua 1 điểm)	05			

TT	Nội dung III	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm Cùm, Khối chấm	Điểm Ban TĐ-KT rà soát
	c) Phát động các phong trào thi đua theo chức năng, nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị, địa phương: - Có kế hoạch, tên gọi, nội dung, chủ đề và tiêu chí thi đua (5 điểm) - Có báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá, xét khen thưởng kịp thời (3 điểm) - Có điển hình tiêu biểu để các đơn vị học tập (2 điểm)	10			
3	Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện, tuyên truyền, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến	20			
	a) Có Kế hoạch xây dựng, nhân rộng điển hình tiên tiến hằng năm và giai đoạn	03			
	b) Có các văn bản chỉ đạo và hướng dẫn việc phát hiện, nhân rộng các điển hình tiên tiến cấp cơ sở	03			
	c) Có phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến (có văn bản thể hiện)	02			
	d) Hàng quý, thực hiện tuyên truyền và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến bằng hình thức phù hợp; đối với các đơn vị có chuyên trang, chuyên mục riêng thì hàng quý phải đảm bảo việc tuyên truyền và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến trên chuyên trang, chuyên mục của mình.	02			
	e) Có nhiều hình thức trong việc tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến:	10			
	- Tổ chức Hội nghị để biểu dương, tôn vinh các điển hình tiên tiến (nội dung, số lượng đại biểu).	02			
	- Có các hình thức nhân điển hình, tổ chức thi đua cùng các gương điển hình tiên tiến (có kế hoạch, chương trình, kiểm tra, đánh giá...).	02			
	- Có các biện pháp, giải pháp phát hiện, xây dựng tuyên truyền điển hình tiên tiến, gương người tốt việc tốt (có văn bản triển khai cụ thể).	02			
	- Giới thiệu nhiều gương điển hình tiên tiến gửi về Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Thành phố (có văn bản giới thiệu về Thành phố hàng quý)	04			

TT	Nội dung III	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm Cụm, Khối chấm	Điểm Ban TĐ-KT rà soát
	+ Từ 04 gương trở lên: 04 điểm + Từ 01 đến 03 gương: 02 điểm + Không có gương: 0 điểm				
4	Công tác khen thưởng	40			
	- Hồ sơ đề nghị khen thưởng đúng qui định pháp luật (tiêu chuẩn, điều kiện, thủ tục hồ sơ, thời gian đề nghị khen thưởng). + 100% hồ sơ trình cấp Nhà nước, cấp Thành phố được duyệt (30 điểm) + Có từ dưới 10% hồ sơ trình cấp Nhà nước, cấp Thành phố bị trả lại do không thực hiện đúng theo qui định (25 điểm) + Có từ 10-15% hồ sơ trình cấp Nhà nước, cấp Thành phố bị trả lại do không thực hiện đúng theo qui định (20 điểm) + Có từ 16-20% hồ sơ trình cấp Nhà nước, cấp Thành phố bị trả lại do không thực hiện đúng theo qui định (15 điểm) + Có từ 20% hồ sơ trở lên trình cấp Nhà nước, cấp Thành phố bị trả lại do không thực hiện đúng theo qui định (10 điểm)	30			
	- Có tỷ lệ khen thưởng cho người lao động trực tiếp (cá nhân không giữ chức vụ lãnh đạo quản lý, công nhân, nông dân, chiến sĩ...) cấp cơ sở, cấp Thành phố và cấp Nhà nước: + Cấp cơ sở (đạt 50% trở lên được 2 điểm; đạt từ 30-50% được 1 điểm; dưới 30% không có điểm) + Cấp Thành phố (đạt 30% trở lên được 2 điểm; đạt từ 10-30% được 1 điểm; dưới 10% không có điểm) + Cấp Nhà nước (đạt 20% trở lên được 2 điểm; đạt từ 10-20% được 1 điểm; dưới 10% không có điểm)	06			
	- Có phát hiện khen thưởng đột xuất	04			
5	Tổ chức bộ máy làm công tác thi đua, khen thưởng và đào tạo bồi dưỡng	10			
	+ Phân công nhân sự phụ trách công tác thi đua, khen thưởng hoặc phân công nhân sự kiêm nhiệm thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại đơn vị.	05			

TT	Nội dung III	Điểm chuẩn	Điểm tự chấm	Điểm Cúm, Khối chấm	Điểm Ban TĐ-KT rà soát
	+ Trong năm có tổ chức lớp bồi dưỡng, tập huấn cho đối tượng lãnh đạo quản lý các cấp; nhân sự làm công tác thi đua khen thưởng tại đơn vị	03			
	+ Tham gia các lớp bồi dưỡng tập huấn nghiệp vụ thi đua, khen thưởng do Thành phố tổ chức đầy đủ, đúng thành phần	02			
6	- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng; chế độ thông tin báo cáo và cấp phát, cấp đổi lại hiện vật khen thưởng	10			
	+ Giải quyết khiếu nại, tố cáo về công tác thi đua, khen thưởng đúng qui định và gửi kết quả về Sở Nội vụ kịp thời	03			
	+ Thực hiện báo cáo định kỳ và đột xuất đầy đủ, đúng hạn theo quy định (trừ 0,5 điểm/mỗi báo cáo thiếu, điểm trừ không quá điểm chuẩn)	03			
	+ Nhận và cấp phát hiện vật khen thưởng cấp Nhà nước, cấp Thành phố kịp thời, đồng bộ	02			
	+ Hồ sơ, thủ tục cấp đổi, cấp lại hiện vật khen thưởng cấp Thành phố, cấp Nhà nước theo đúng quy định	02			

Phụ lục 2

DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ CHẤM ĐIỂM THI ĐUA ĐỐI VỚI THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC VÀ QUẬN, HUYỆN

(Đính kèm Hướng dẫn số /HD-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

Thang điểm chấm là **100 điểm (bao gồm điểm cộng và điểm trừ)**; điểm thưởng cho **01 (Một)** đơn vị dẫn đầu mỗi Cụm, Khối thi đua là **05 điểm**.

Nội dung 1: Đánh giá, chấm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế gồm các đơn vị

1. Sở Công Thương;
2. Cục Thuế Thành phố;
3. Kho bạc Nhà nước;
4. Sở Tài chính;
5. Sở Kế hoạch và Đầu tư;
6. Sở Khoa học và Công nghệ
7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
8. Ngân hàng Chính sách Xã hội Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh;
9. Sở Du lịch.

Nội dung 2: Đánh giá, chấm điểm kết quả chăm lo, phát triển đời sống văn hóa xã hội

10. Sở Văn hóa và Thể thao;
11. Sở Y tế;
12. Ban Quản lý An toàn thực phẩm Thành phố;
13. Sở Giáo dục và Đào tạo;
14. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;
15. Bảo hiểm Xã hội Thành phố.

Nội dung 3: Đánh giá, chấm điểm công tác quốc phòng, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội chấp hành pháp luật

16. Công an Thành phố;
17. Bộ Tư lệnh Thành phố;
18. Sở Tư pháp;
19. Tòa án nhân dân Thành phố;
20. Thanh tra Thành phố;
21. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố;
22. Cục Thi hành án dân sự Thành phố.

Nội dung 4: Đánh giá, chấm điểm công tác quản lý đô thị, quản lý quy hoạch địa bàn thành phố Thủ Đức và quận, huyện

23. Sở Tài nguyên và Môi trường;
24. Sở Xây dựng;
25. Sở Quy hoạch - Kiến trúc;
26. Sở Giao thông vận tải;
27. Ban An toàn giao thông Thành phố.

Nội dung 5: Đánh giá, chấm điểm công tác xây dựng chính quyền

28. Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố;
29. Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân Thành phố
30. Sở Nội vụ;
31. Sở Thông tin và Truyền thông;
32. Cục Thống kê Thành phố;
33. Ban Dân tộc Thành phố.

Nội dung 6: Đánh giá, chấm điểm hoạt động các Ban đảng Thành ủy

34. Văn phòng Thành ủy;
35. Ban Tổ chức Thành ủy;
36. Ban Tuyên giáo Thành ủy;
37. Ủy ban Kiểm tra Thành ủy;

Nội dung 7: Đánh giá, chấm điểm của Mặt trận Tổ quốc và các Đoàn thể

39. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố;
 40. Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố;
 41. Liên đoàn Lao động Thành phố;
 42. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Thành phố;
 43. Hội Liên hiệp Thanh niên Thành phố;
 44. Hội Cựu Chiến binh Thành phố;
 45. Hội Chữ Thập đỏ Thành phố;
 46. Hội Nông dân Thành phố;
 47. Hội Khuyến học Thành phố;
 48. Hội Người cao tuổi Thành phố;
 49. Hiệp hội Doanh nghiệp Thành phố;
 50. Hội Luật gia Thành phố.
-

Tên cơ quan chủ quản
Tên đơn vị

CỘNG HÒA CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

TP Hồ Chí Minh, ngày tháng năm.....

BẢNG CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐỐI VỚI
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC VÀ CÁC QUẬN, HUYỆN NĂM

STT	TÊN ĐƠN VỊ	ĐIỂM CHẤM (100 điểm chuẩn)	Chọn 01 đơn vị dẫn đầu Cụm (cộng 05 điểm cho đơn vị dẫn đầu)	TỔNG ĐIỂM
I	CỤM THI ĐUA 1 (06 đơn vị)			
1.	Ủy ban nhân dân Quận 10			
2.	Ủy ban nhân dân Quận 1			
3.	Ủy ban nhân dân Quận 3			
4.	Ủy ban nhân dân Quận 5			
5.	Ủy ban nhân dân Quận Tân Bình			
6.	Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức			
II.	CỤM THI ĐUA 2 (06 đơn vị)			
1.	Ủy ban nhân dân Quận 6			
2.	Ủy ban nhân dân Quận 4			
3.	Ủy ban nhân dân Quận 8			
4.	Ủy ban nhân dân Quận 11			
5.	Ủy ban nhân dân Quận Phú Nhuận			
6.	Ủy ban nhân dân Bình Thạnh			
III.	CỤM THI ĐUA 3 (05 đơn vị)			
1.	Ủy ban nhân dân Quận 7			
2.	Ủy ban nhân dân Quận 12			
3.	Ủy ban nhân dân Quận Bình Tân			
4.	Ủy ban nhân dân Quận Gò Vấp			
5.	Ủy ban nhân dân Quận Tân Phú			
IV.	CỤM THI ĐUA 4 (05 đơn vị)			
1.	Ủy ban nhân dân Huyện Củ Chi			
2.	Ủy ban nhân dân Huyện Bình Chánh			
3.	Ủy ban nhân dân Huyện Nhà Bè			
4.	Ủy ban nhân dân Huyện Hóc Môn			
5.	Ủy ban nhân dân Huyện Cần Giờ			

Phụ lục 3

(Đính kèm Hướng dẫn số/HD-UBND ngày tháng năm 2024
của Ủy ban nhân dân Thành phố)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CỤM/KHỐI THI ĐUA.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-C(K)TĐ... Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm ...

BÁO CÁO

**Sơ kết/ tổng kết hoạt động Cụm, Khối thi đua năm
và phương hướng hoạt động năm**

Căn cứ Chỉ thị số ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân thành phố về phát động phong trào thi đua năm

Thực hiện Hướng dẫn số.....ngày.....thángnăm.....của Ủy ban nhân dân Thành phố về tổ chức hoạt động và bình xét thi đua của các Cụm, Khối thi đua thuộc Thành phố.

Thực hiện Kế hoạch sốngày.....tháng....năm củavề tổ chức hoạt động cụm/ khối thi đua.....năm.....

Cụm/Khối thi đua báo cáo sơ kết/ tổng kết hoạt động Cụm, Khối thi năm và phương hướng hoạt động năm như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM

1. Tình hình hoạt động của Cụm/Khối thi đua.....

- 100% các đơn vị thành viên trong khối đã xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện phong trào thi đua yêu nước theo tinh thần Chỉ thị sốnhằm phát huy truyền thống thi đua yêu nước, tinh thần năng động, sáng tạo, đoàn kết tạo động lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao.

- Tất cả các đơn vị thành viên đều tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức trong phong trào thi đua yêu nước, chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả của phong trào thi đua cơ sở. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo

- Ban hành các văn bản: quy chế hoạt động của cụm/khối, kế hoạch hoạt động, bảng tiêu chí thi đua,.....

- Tổ chức họp ký kết giao ước thi đua: (nêu kết quả)

- Tổ chức sinh hoạt chuyên đề: (nêu kết quả)

2. Kết quả nổi bật về thực hiện nhiệm vụ chính trị và công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị thành viên trong cụm/ khối thi đua

- Về nội dung, hình thức và phương pháp tổ chức các phong trào thi đua yêu nước

- Chất lượng, hiệu quả, tác dụng của các phong trào thi đua trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng - an ninh (*nêu tên cụ thể một số phong trào thi đua tiêu biểu của cơ quan, đơn vị, địa phương đã thực hiện*).

- Kết quả công tác xây dựng các công trình, mô hình và nhân điển hình tiên tiến (*số lượng công trình, mô hình, sáng kiến được đăng ký, số công trình, mô hình, sáng kiến được công nhận; nêu mục đích, ý nghĩa, tác dụng, hiệu quả của công trình, mô hình, điển hình tiên tiến tiêu biểu, sự lan tỏa trong cộng đồng, lĩnh vực đời sống xã hội*).

-

.....

- Tình hình khen thưởng và chất lượng công tác khen thưởng, việc chấp hành các quy định pháp luật về thi đua, khen thưởng, quy trình, thủ tục, cải cách thủ hành chính trong khen thưởng.

3. Đánh giá chung

- Kết quả đạt được

- Hạn chế, tồn tại

- Giải pháp, biện pháp khắc phục

- Đề xuất, kiến nghị

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM

BẢNG TỔNG HỢP HOẠT ĐỘNG CỤM, KHỐI THI ĐUA
THUỘC THÀNH PHỐ NĂM
(Kèm theo Báo cáo tổng kết hoạt động, cụm khối thi đua năm.....)

Tên: (Cụm, Khối thi đua):

Số TT	Nội dung hoạt động	Thời gian, địa điểm tổ chức	Hình thức tổ chức (trực tiếp, chuyển văn bản)
1	Hội nghị ký kết giao ước thi đua năm và triển khai kế hoạch hoạt động		
2	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề: Tên chuyên đề 1 “.....”		
	Tên chuyên đề 2 “.....”		
	Tên chuyên đề 3 “.....”		
3	Hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao (nêu đầy đủ tên hoạt động, nếu có)		
4	Hội nghị Sơ kết hoạt động Cụm, Khối thi đua 6 tháng đầu năm		
5	Hoạt động an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa (nêu đầy đủ tên hoạt động, kết quả cụ thể, nếu có)		
6	Hội nghị Tổng kết hoạt động và bình xét thi đua Cụm, Khối năm		